

**BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

| STT       | Phạm vi                                                                                                                                                                       | Đồng Bằng | Trung Du | Miền núi |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|
| <b>I</b>  | <b>Giá đất trồng lúa nước và trồng cây hàng năm</b>                                                                                                                           |           |          |          |
| 1         | - Các phường thuộc các quận (trước sắp xếp): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân | 290.000   |          |          |
| 2         | - Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai                                                                                     | 186.000   |          |          |
|           | - Các phường thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp): Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung                                                                                           |           |          |          |
|           | - Các huyện (trước sắp xếp): Hoài Đức, Đan Phượng                                                                                                                             |           |          |          |
| 3         | - Các xã còn lại thuộc các huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai                                                                                               | 155.000   |          |          |
|           | - Các huyện (trước sắp xếp): Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà                                                                           |           |          |          |
| 4         | - Các xã, phường còn lại thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp)                                                                                                                 | 155.000   | 121.000  | 82.000   |
|           | - Các huyện (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai                                                                                                                             |           |          |          |
| 5         | - Huyện Sóc Sơn (trước sắp xếp)                                                                                                                                               | 154.000   | 121.000  |          |
| 6         | - Các huyện (trước sắp xếp): Mỹ Đức, Ba Vì                                                                                                                                    | 154.000   | 120.000  | 81.000   |
| <b>II</b> | <b>Giá đất trồng cây lâu năm</b>                                                                                                                                              |           |          |          |
| 1         | - Các phường thuộc các quận (trước sắp xếp): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân | 290.000   |          |          |
| 2         | - Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai                                                                                     | 218.000   |          |          |
|           | - Các phường thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp): Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung                                                                                           |           |          |          |
|           | - Các huyện (trước sắp xếp): Hoài Đức, Đan Phượng                                                                                                                             |           |          |          |
| 3         | - Các xã còn lại thuộc các huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai                                                                                               | 182.000   |          |          |
|           | - Các huyện (trước sắp xếp): Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà                                                                           |           |          |          |

| STT        | Phạm vi                                                                                                                                                                       | Đồng Bằng | Trung Du | Miền núi |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|
| 4          | - Các xã, phường còn lại thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp)                                                                                                                 | 182.000   | 113.000  | 78.000   |
|            | - Các huyện (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai                                                                                                                             |           |          |          |
| 5          | - Huyện Sóc Sơn (trước sắp xếp)                                                                                                                                               | 180.000   | 112.000  | -        |
| 6          | - Các huyện (trước sắp xếp): Mỹ Đức, Ba Vì                                                                                                                                    | 180.000   | 112.000  | 78.000   |
| <b>III</b> | <b>Giá đất nuôi trồng thủy sản</b>                                                                                                                                            |           |          |          |
| 1          | - Các phường thuộc các quận (trước sắp xếp): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân | 290.000   |          |          |
| 2          | - Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai                                                                                     | 186.000   |          |          |
|            | - Các phường thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp): Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung                                                                                           |           |          |          |
|            | - Các huyện (trước sắp xếp): Hoài Đức, Đan Phượng                                                                                                                             |           |          |          |
| 3          | - Các xã còn lại thuộc các huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai                                                                                               | 155.000   |          |          |
|            | - Các huyện (trước sắp xếp): Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà                                                                           |           |          |          |
| 4          | - Các xã, phường còn lại thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp)                                                                                                                 | 155.000   | 97.000   | 50.000   |
|            | - Các huyện (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai                                                                                                                             |           |          |          |
| 5          | - Huyện Sóc Sơn (trước sắp xếp)                                                                                                                                               | 154.000   | 121.000  |          |
| 6          | - Các huyện (trước sắp xếp): Mỹ Đức, Ba Vì                                                                                                                                    | 154.000   | 120.000  | 51.000   |
| <b>IV</b>  | <b>Giá đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất</b>                                                                                                                    |           |          |          |
| 1          | - Các huyện, thị xã (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mê Linh và Sơn Tây                                                                                      | 69.000    | 52.000   | 41.000   |
| 2          | - Các huyện (trước sắp xếp): Sóc Sơn, Mỹ Đức, Ba Vì                                                                                                                           | 68.000    | 55.000   | 43.000   |